

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **246/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 07 tháng 5 năm 2020
V/v: TrA chấp ly hôn

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Sen

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ưông Thị Hoa

2. Bà Trần Phan Thị Hà

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương – Cán bộ Tòa án nhân dân quận B.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Mai Phương** – Kiểm sát viên.*

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 629/2020/TLST – HN&GD ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 1987; HKTT: Số 7 ngõ 40 Linh Lang, phường C, quận B, H; Nơi ở: Lô TT5, dãy N7, ô số 3, Bắc Linh Đàm, phường Đ, H, H. Chị H có mặt.

- Bi đơn: **A Chu Hoàng A**, sinh năm 1982; HKTT và nơi ở: Số 7 ngõ 40 Linh Lang, phường C, quận B, H. A Hoàng A có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Về tình cảm: Chị và A Chu Hoàng A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, H ngày 19/10/2016, số giấy 122/2016.

Quá trình chung sống, A, chị sống không hòa thuận, nguyên nhân là do A Hoàng A nghiện rượu, thường xuyên mắng chửi, dọa dẫm chị. Do nghiện rượu nên A Hoàng A không có công việc ổn định, không có thu nhập ổn định, không đóng góp cho chị nuôi con và chăm lo cuộc sống gia đình. Vì vậy, khoảng 6 tháng sau khi kết hôn, chị phải chuyển về sống cùng bố mẹ chị cho đến đầu năm 2019, chị cho A Hoàng A đi cai nghiện rượu trong 1 tháng. A, chị sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến giữa năm 2019. Đến tháng 9 năm 2019, vì muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị đã chuyển về ở cùng A Hoàng A tại nhà bố A Hoàng A ở phố Linh Lang. Tuy nhiên, A Hoàng A vẫn tiếp tục uống rượu, thường xuyên mắng chửi chị. Khi chị mang thai con thứ hai, A Hoàng A trong lúc say rượu đã dọa nạt chị nên chị sợ hãi và chỉ 2 tháng sau khi về ở cùng A Hoàng A, chị và con lại phải chuyển về ở cùng bố mẹ chị tại Linh Đàm. A, chị tiếp tục sống ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình A, chị sống ly thân, A Hoàng A rất ít khi đến thăm các con, nếu có thì cũng trong trạng thái say rượu, không tỉnh táo.

Mâu thuẫn của A, chị hai bên gia đình có biết rõ, gia đình chị có đồng ý cho A, chị ly hôn.

Nay chị đã quá mệt mỏi, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân được nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, và đã kéo dài. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn A Hoàng A để chị sớm ổn định cuộc sống.

- **Về con chung:** Chị và A Chu Hoàng A có hai con chung là Chu Hoàng T, sinh ngày 16/1/2018 và Chu Hoàng Tâm, sinh ngày 07/4/2020. Hiện nay cả con đều đang ở cùng chị. Các cháu đều khỏe mạnh. Trong đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, chị đề nghị được nuôi cả hai con. Thu nhập của chị khoảng 30.000.000đồng/tháng.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản):** Chị và A Chu Hoàng A không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, A, chị tự lo chỗ ở, không khiếu kiện thắc mắc gì.

- **Về nợ:** Chị và A Chu Hoàng A không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Bị đơn – A Chu Hoàng A trình bày:**

- **Về tình cảm:** A và chị Nguyễn Thị Bích H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Hoàng, H ngày 19/10/2016, số giấy 122/2016.

Sau khi kết hôn A, chị sống tại Linh Đàm khoảng hơn 1 năm. Đến giữa năm 2017, mẹ A bị bệnh phải nằm viện mà chị H lúc đó đang mang

thai con thứ nhất của A, chị nên A, chị thống nhất chị H về nhà mẹ chị H tại Bắc Linh Đàm, phường Đ, H, H để bố mẹ chị H chăm sóc cho mẹ con chị H. Đầu năm 2019, A có đi cai nghiện rượu 1 tháng thì cắt cơn nghiện nên A được về nhà. Sau đó, vợ chồng A có về đoàn tụ một thời gian nhưng sau đó A, chị lại sống ly thân. Do chị H bỏ đi đâu không ai biết. Đến cuối năm 2019 chị H mới về ở tại nhà bố mẹ đẻ của chị H cho đến nay. Cuối tuần A vẫn về nhà bố mẹ đẻ chị H để thăm các con. A thừa nhận A có uống rượu từ nhiều năm nay. Sau khi đi cai nghiện rượu về đầu năm 2019, A vẫn tiếp tục uống rượu. Nhưng do sai nên A vẫn không ngừng uống rượu được.

Nay chị H xin ly hôn, A mong muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng A chị về đoàn tụ nuôi dạy con cái, A không đồng ý ly hôn. Vì A vẫn còn tình cảm với chị H và A thương con nên mong muốn vợ chồng cùng nuôi dạy con, hơn nữa theo A chị H không đủ khả năng để nuôi con.

- **Về con chung:** A và chị Nguyễn Thị Bích H có hai con chung là Chu Hoàng T, sinh ngày 16/1/2018 và Chu Hoàng Tâm, sinh ngày 07/4/2020. A nhất trí A sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chu Hoàng T, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Hoàng Tâm. A không đồng ý đóng góp nuôi con cho chị H.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản):** A và chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, A, chị tự lo chỗ ở, không khiếu kiện thắc mắc gì.

- **Về nợ:** A và chị H không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi đương sự cư trú. Tại Biên bản xác minh ngày 31/3/2021, bà Vũ Thị Hồng- Tổ trưởng tổ dân phố số 11c, phường C cung cấp: Chị Nguyễn Thị Bích H và A Chu Hoàng A kết hôn năm nào bà không nắm được. Sau khi kết hôn, A chị ấy không sinh sống tại địa bàn của bà. Từ khoảng năm 2017, sau khi mẹ của A Hoàng A mất thì A Hoàng A mới về cư trú tại địa chỉ nhà số 7/40 phố Linh Lang, phường C, quận B. Quá trình A Hoàng A và chị H chung sống có mâu thuẫn gì bà không nắm được. Nay chị H xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Quá trình chung sống A Hoàng A và chị H có 02 con chung là Chu Hoàng T và Chu Hoàng Tâm. Ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của 2 bên. Về tài sản và nhà ở của A Hoàng A và chị H: bà không nắm được.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 07 tháng 12 năm 2020, bố đẻ của A Hoàng A là ông Chu Văn Hỷ trình bày:

- Về tình cảm: A Hoàng A và chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Hoàng, H ngày 19/10/2016. Quá trình chung sống, ông thấy vợ chồng A Hoàng A và chị H không hợp nhau. Theo ông,

vợ chồng A Hoàng A và chị H không thể tiếp tục chung sống được với nhau, A Hoàng A và chị H nên ly hôn. Chị H hỗn láo, cư xử không bình thường: luôn xông vào đánh chửi chồng, có lần còn ném vỡ ti vi. Có lần gọi điện chửi cả bà ngoại của chồng và dì của chồng và gọi bố chồng là “tH”.

A Hoàng A có nghiện rượu, đến đầu năm 2019 thì có đi cai nghiện 1 tháng. Sau khi trở về, A Hoàng A vẫn uống rượu. Ông nghĩ, ông sẽ đưa A Hoàng A đi cai nghiện rượu thêm để A Hoàng A thay đổi. Nay chị H xin ly hôn, ông đồng ý để Tòa án giải quyết cho chị H và A Hoàng A ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích H và A Hoàng A có hai con chung là Chu Hoàng T, sinh ngày 16/1/2018 và Chu Hoàng Tâm, sinh ngày 07/4/2020. Hiện nay các con đều đang ở cùng chị H. Các cháu đều khỏe mạnh. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho A Hoàng A và chị H mỗi người nuôi một con, để A Hoàng A xin nuôi con lớn là cháu Chu Hoàng T, chị H nuôi cháu nhỏ là Chu Hoàng Tâm.

- Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Ông được biết A Hoàng A và chị H không có tài sản chung.

- Về nợ: Ông được biết A Hoàng A và chị H không có nợ chung.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11 tháng 12 năm 2020, bố đẻ của chị Nguyễn Thị Bích H là ông Nguyễn Văn Cường trình bày: Chị Nguyễn Thị Bích H và A Chu Hoàng A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2016.

Sau khi kết hôn chị H và A Hoàng A sống tại nhà A Hoàng A. Tuy nhiên, A, chị chỉ sống được với nhau khoảng 6 tháng thì chị H và con là cháu Chu Hoàng T chuyển về sống cùng vợ chồng ông ở Linh Đàm. Trong cuộc sống gia đình, chị H sống không hòa thuận, không hạnh phúc vì A Hoàng A nghiện rượu nặng và thường xuyên đánh đập, mắng chửi chị H. Đầu năm 2019, chị H có cho A Hoàng A đi cai nghiện rượu. Nên để hàn gắn gia đình, đến tháng 9 năm 2019 chị H có về ở cùng A Hoàng A tại phố Linh Lang nhưng được khoảng 2 tháng thì vợ chồng chị H lại mâu thuẫn vì A Hoàng A lại nghiện rượu trở lại. A Hoàng A có những lời lẽ dọa dẫm chị H trong khi chị đang mang thai con thứ 2. Vì vậy, chị H lại phải chuyển về ở cùng vợ chồng ông từ tháng 11/2019 cho đến nay.

Nay chị H xin ly hôn A Hoàng A gia đình ông hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn A Hoàng A vì cuộc sống của A, chị đã mâu thuẫn trầm trọng nhiều năm, chị H đã rất mệt mỏi, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống gia đình với A Hoàng A được nữa. Cuộc sống không hạnh phúc, không có tương lai tốt đẹp.

- Về con chung: Chị H và A Hoàng A có hai con chung là Chu Hoàng T, sinh ngày 16/1/2018 và Chu Hoàng Tâm, sinh ngày 07/4/2020. Hiện nay cả 2 con đều đang ở cùng chị H và vợ chồng ông. Các cháu đều khỏe mạnh. Ông đề nghị Tòa án

giải quyết cho chị H được nuôi cả hai con vì A Hoàng A nghiện rượu không thể chăm sóc, nuôi dưỡng con được. Vợ chồng ông đồng ý cho chị H và 2 con được sống cùng vợ chồng ông. Vợ chồng ông sẽ hỗ trợ cho chị H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con.

- Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Theo ông được biết chị H và A Hoàng A không có tài sản chung.

- Về nợ: Theo ông được biết chị H và A Hoàng A không có nợ ai, không cho ai vay nợ.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Bích H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với A Chu Hoàng A, về con: chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con nhỏ là Chu Hoàng Tâm còn A Hoàng A nuôi con lớn là Chu Hoàng T. Chị yêu cầu A Hoàng A phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; chị không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ. Bị đơn, A Chu Hoàng A không đồng ý ly hôn, A nhất trí với ý kiến thay đổi của chị H về con chung như trên, A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn A Chu Hoàng A; về con chung: Giao con chung là cháu Chu Hoàng T, sinh ngày 16/1/2018 cho A Hoàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Chu Hoàng Tâm, sinh ngày 07/4/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; A Hoàng A và chị H không phải đóng góp nuôi con cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật có trA chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Bích H có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đối với A Chu Hoàng A và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung. Đây là trA chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. A Chu Hoàng A là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại số 7 ngõ 40 Linh Lang, phường C, quận B, thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ và các chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án đã thu thập, có đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị Bích H kết hôn với A Chu Hoàng A trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Hoàng, H ngày 19/10/2016, số giấy 122/2016. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng chị H, A Hoàng A phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. A, chị đã nhiều lần sống ly thân, mỗi người một nơi. Gia đình A Hoàng A và gia đình chị H đều xác nhận A chị có nhiều mâu thuẫn, và đề nghị Tòa án giải quyết cho A, chị ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và A Hoàng A đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với A Hoàng A là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con chung: Xác nhận chị H và A Hoàng A có hai con chung là Chu Hoàng T, sinh ngày 16/1/2018 và Chu Hoàng Tâm, sinh ngày 07/4/2020. Tại phiên tòa, chị H và A Hoàng A cùng thống nhất đề nghị giao cháu T cho A Hoàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Tâm cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy yêu cầu của chị H và A Hoàng A là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Chị H và A Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H, xét thấy: Chị H và A Hoàng A đã thống nhất mỗi người nuôi một con. A Hoàng A không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Hơn nữa, chị H có xác nhận thu nhập 30.000.000đồng/tháng. Như vậy, chị H có đủ khả năng về kinh tế để nuôi con. Vì vậy, việc chị H yêu cầu A Hoàng A cấp dưỡng nuôi con là không có căn cứ nên không chấp nhận. Chị H và A Hoàng A không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[5] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị H và A Hoàng A xác nhận A, chị không có tài sản chung và nhà ở chung nên không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung của chị H, A Hoàng A.

Về khoản nợ: Chị H và A Hoàng A không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị H và A Hoàng A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các căn cứ và nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn A Chu Hoàng A.

3. Về việc nuôi con chung:

- Giao con chung là cháu Chu Hoàng T, sinh ngày 16/1/2018 cho A Chu Hoàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Chu Hoàng Tâm, sinh ngày 07/4/2020 cho chị Nguyễn Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị H và A Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

4. Bác yêu cầu của chị H về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị H và A Hoàng A không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

5. Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về khoản nợ: Tòa án không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0001002 ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Bích H và A Chu Hoàng A đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND quận B;
- Chi Cục THA dân sự quận B;
- UBND phường Đ, q. H, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)